

Số: /2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO
08/2026

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Phòng thủ dân sự số 18/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 98/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai năm 2013 được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 60/2020/QH14, Luật số 18/2023/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Điện lực số năm 2024 và được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số /2026/QH16;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 5 như sau:

“3. Trước khi thi công các công trình trên mặt đất, trong lòng đất hoặc nạo vét lòng sông, hồ, vùng biển trong phạm vi hành lang bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm, chủ đầu tư công trình hoặc đơn vị thi công phải tổ chức khảo sát, xác định vị trí thực tế tuyến cáp, lập biện pháp thi công được đơn vị quản lý vận hành đường cáp điện ngầm thông nhất. Trường hợp khẩn cấp để cứu người, cứu tài sản hoặc phòng chống thiên tai thì được triển khai ngay nhưng phải thông báo cho đơn vị quản lý vận hành và chính quyền địa phương trong thời gian sớm nhất”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

“Điều 12. Hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực

1. Hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không, đường cáp điện ngầm, trạm điện thực hiện theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Kỹ thuật điện - Hệ thống lưới điện.

2. Hành lang bảo vệ an toàn công trình điện gió

a) Hành lang bảo vệ an toàn công trình điện gió trên đất liền và trên biển được xác định gồm: Hành lang bảo vệ an toàn cột tháp gió; hành lang bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm hoặc trên không từ cột tháp gió đến trạm điện; hành lang bảo vệ an toàn trạm điện và hành lang bảo vệ đường dây truyền tải, phân phối của công trình điện gió đến điểm đầu nối của công trình điện gió;

b) Hành lang bảo vệ an toàn cột tháp gió là vùng xung quanh cột tháp gió được giới hạn bởi hình bán cầu có tâm là chân cột tháp gió, bán kính bằng chiều cao cột tháp gió cộng chiều dài cánh quạt gió.

3. Căn cứ tình hình phát triển dự án nguồn điện từng thời kỳ, Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết về hành lang bảo vệ an toàn đối với các công trình nguồn điện khác.”

3. Sửa đổi khoản 5 Điều 13 như sau:

“5. Khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp ở các điểm giao chéo với đường giao thông được quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Kỹ thuật điện - Hệ thống lưới điện.”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 14 như sau:

“2. Nhà ở, công trình và các hoạt động trong hoặc gần hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực phải đảm bảo khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp được quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Kỹ thuật điện - Hệ thống lưới điện. Trường hợp có nguy cơ gây ảnh hưởng đến an toàn công trình điện lực thì người sử dụng đất, sở hữu công trình, nhà ở phải phối hợp với đơn vị điện lực thực hiện các biện pháp khắc phục, đảm bảo an toàn cho công trình điện lực theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công Thương.”

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 15 như sau:

“Điều 15. Cây trong và gần hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực

1. Cây trong và gần hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực phải đảm bảo khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp được quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Kỹ thuật điện – Hệ thống lưới điện. Người sử dụng đất, sở hữu cây có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, kịp thời chặt tỉa cây có nguy cơ vi phạm khoảng cách an toàn phòng điện. Đơn vị điện lực có trách nhiệm phối hợp với chủ sở hữu cây, người sử dụng đất triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn trong quá trình chặt tỉa phần vi phạm;

2. Trường hợp phát hiện cây phát triển có nguy cơ vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp thì đơn vị điện lực có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã đề yêu cầu chủ sở hữu cây, người sử dụng đất

thực hiện chặt tĩa phần cây có nguy cơ vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện.

Trường hợp người sử dụng đất, sở hữu cây không kịp thời chặt tĩa phần cây có nguy cơ vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện thì Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật và giao đơn vị điện lực tiến hành chặt tĩa phần cây có nguy cơ vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện để đảm bảo an toàn hệ thống lưới điện.

3. Trường hợp cây phát triển vi phạm hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực gây sự cố cho công trình điện lực thì tùy theo mức độ thiệt hại, chủ sở hữu cây, người sử dụng đất bị xử lý theo quy định của pháp luật;

4. Đơn vị điện lực có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không do mình quản lý. Kịp thời tổ chức chặt tĩa phần cây có nguy cơ vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện của đường dây dẫn điện trên không trên tuyến đường giao thông đường bộ hoặc cây tại các khu vực chưa xác định được chủ sở hữu cây.”

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 như sau:

“Điều 20. Khắc phục sự cố, tai nạn điện và chế độ báo cáo về an toàn điện và vi phạm hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực

1. Chủ đầu tư, đơn vị quản lý vận hành công trình điện lực có trách nhiệm xây dựng và tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố, tai nạn điện trong quá trình vận hành công trình điện lực.

2. Trường hợp xảy ra sự cố, tai nạn điện, đơn vị quản lý vận hành công trình điện lực trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm xử lý, khắc phục, đánh giá nguyên nhân sự cố hệ thống điện theo quy định của pháp luật, cấp cứu, sơ tán người ra khỏi khu vực nguy hiểm và kịp thời báo cáo cơ quan cấp trên (nếu có) và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Trường hợp xảy ra sự cố, tai nạn điện nghiêm trọng đến mức thảm họa thì việc ban bố tình trạng khẩn cấp và áp dụng các biện pháp ứng phó được thực hiện theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm báo cáo Bộ Công Thương về tình hình sự cố, tai nạn điện và vi phạm hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực trên địa bàn định kỳ hằng năm trước ngày 30 tháng 01 năm sau.

5. Bộ trưởng Bộ Công Thương chịu trách nhiệm phân loại sự cố và quy định chi tiết khoản 1 và khoản 2 Điều này.”

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 23 như sau:

“Điều 23. Huấn luyện, sát hạch và cấp thẻ an toàn điện

1. Người trực tiếp làm công việc xây dựng, sửa chữa, cải tạo, quản lý, vận hành hệ thống điện, công trình điện lực, thí nghiệm, xây lắp, sửa chữa đường dây điện hoặc thiết bị điện phải được huấn luyện, sát hạch và cấp thẻ an toàn điện.

2. Hoạt động huấn luyện an toàn điện được tổ chức riêng hoặc kết hợp với các hoạt động huấn luyện an toàn khác được pháp luật quy định. Nội dung huấn luyện gồm huấn luyện lý thuyết và huấn luyện thực hành.

3. Người sử dụng lao động có trách nhiệm tổ chức hoặc thuê đơn vị đủ năng lực tổ chức huấn luyện, sát hạch an toàn điện cho người lao động. Sau khi có kết quả sát hạch đạt yêu cầu, người sử dụng lao động cấp thẻ an toàn điện cho người lao động.

4. Người sử dụng lao động tiến hành cấp lại thẻ an toàn điện trong trường hợp người lao động làm mất, làm hỏng thẻ.

5. Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định các nội dung huấn luyện, tổ chức huấn luyện, sát hạch, Bậc an toàn điện, những công việc được làm theo bậc an toàn điện và Thẻ an toàn điện.”

8. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 5 Điều 30 như sau:

“b) Bộ Công Thương quyết định danh mục công trình thủy điện loại quan trọng đặc biệt và công trình thủy điện loại lớn, vừa, nhỏ được xây dựng trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên.”

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 33 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2, Điều 33 như sau:

“2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, thẩm định quy trình vận hành hồ chứa thủy điện

a) Bộ Công Thương tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Công Thương;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.”

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm c khoản 6 Điều 33 như sau:

“b) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ tại khoản 2 Điều này có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, trình cấp thẩm quyền phê duyệt theo trình tự tại khoản 3, khoản 4 Điều này.

c) Cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh quy trình hồ chứa thủy điện là cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện theo khoản 5 Điều 76 Luật Điện lực.”

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 33 như sau:

“7. Trong thời hạn tối đa 05 năm kể từ ngày quy trình vận hành được cấp thẩm quyền phê duyệt, chủ sở hữu công trình thủy điện phải rà soát, điều chỉnh quy trình vận hành trình cơ quan thẩm quyền quy định tại khoản 6 Điều này để xem xét phê duyệt điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện hoặc đề xuất cho phép tiếp tục sử dụng quy trình vận hành đã được phê duyệt trong trường hợp không có nội dung điều chỉnh, bổ sung.”

10. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều 34 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 34 như sau:

“4. Cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp là cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp theo khoản 5 Điều 76 Luật Điện lực.”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 34 như sau:

“5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định phương án ứng phó tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.”

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 34 như sau:

“9. Trong thời hạn tối đa 05 năm kể từ ngày phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp được cấp thẩm quyền phê duyệt hoặc khi phương án ứng phó tình huống khẩn cấp không còn phù hợp, chủ sở hữu công trình thủy điện phải rà soát, điều chỉnh phương án trình cơ quan thẩm quyền được quy định tại khoản 4 Điều này để xem xét phê duyệt điều chỉnh phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hoặc đề xuất cho phép tiếp tục sử dụng phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đã được phê duyệt trong trường hợp không có nội dung điều chỉnh, bổ sung.”

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 35 như sau:

a) Bổ sung khoản 3a sau khoản 3 Điều 35 như sau:

“3a. Cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện là cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện theo khoản 5 Điều 76 Luật Điện lực.”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 35 như sau:

“4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.”

c) Sửa đổi, tên khoản 5 Điều 35 như sau:

“5. Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện”

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 35 như sau:

“a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức có liên quan trên địa bàn tỉnh. Trường hợp công trình thủy điện trên địa bàn 02 tỉnh trở lên, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức có liên quan trên địa bàn tỉnh.

b) Các cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm gửi ý kiến bằng văn bản trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện.”

đ) Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 35 như sau:

“8. Trong thời hạn tối đa 05 năm kể từ ngày phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện được cấp thẩm quyền phê duyệt hoặc khi phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện không còn phù hợp, chủ sở hữu công trình thủy điện phải rà soát, điều chỉnh phương án trình cơ quan thẩm quyền được quy định tại khoản 3a Điều này để xem xét phê duyệt điều chỉnh phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện hoặc đề xuất cho phép tiếp tục sử dụng phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện đã được phê duyệt trong trường hợp không có nội dung điều chỉnh, bổ sung.”

12. Bổ sung khoản 5, 6 vào sau khoản 4 Điều 36 như sau:

“5. Chủ sở hữu, đơn vị quản lý, vận hành công trình thủy điện có trách nhiệm cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy điện và bảo đảm kinh phí cấm mốc, bảo trì mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy điện. Mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy điện bao gồm, mốc chỉ giới bảo vệ đập thủy điện và mốc chỉ giới bảo vệ hồ chứa thủy điện.

a) Việc cấm mốc chỉ giới bảo vệ đập thủy điện thực hiện theo quy định pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

b) Mốc chỉ giới bảo vệ hồ chứa thủy điện được xác định là mốc chỉ giới hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

6. Tổ chức, cá nhân có hoạt động trong lòng hồ thủy điện phải thực hiện các yêu cầu bảo đảm an toàn đập, hồ chứa thủy điện và không được phép xâm phạm phạm vi bảo vệ đập thủy điện.”

13. Sửa đổi, bổ sung khoản 5, khoản 6 Điều 41 như sau:

“5. Nội dung kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy điện theo nội dung đề cương được duyệt và các nội dung như sau:

a) Đối với công trình thủy điện quan trọng đặc biệt và công trình thủy điện lớn: Kiểm tra, phân tích tài liệu, số liệu quan trắc đập, hồ chứa thủy điện; khảo sát, thăm dò ẩn họa, khuyết tật công trình; kiểm tra tình trạng sạt lở, bồi lắng lòng hồ chứa thủy điện; kiểm tra khả năng xả lũ của hồ chứa thủy điện theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành và dòng chảy lũ cập nhật; đánh giá an toàn của công trình, hồ chứa thủy điện (bao gồm: đánh giá an toàn và ổn định công trình theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia hiện hành); đánh giá công tác quản lý vận hành công trình.

b) Đối với công trình thủy điện vừa, nhỏ: Khảo sát, thăm dò ẩn họa, khuyết tật công trình; kiểm tra tình trạng sạt lở, bồi lắng lòng hồ chứa thủy điện; kiểm tra khả năng xả lũ của hồ chứa thủy điện theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành và dòng chảy lũ cập nhật; đánh giá an toàn của công trình, hồ chứa thủy điện (bao gồm: đánh giá an toàn và ổn định công trình theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia hiện hành); đánh giá công tác quản lý vận hành công trình.

c) Xác định đặc trưng vật liệu của kết cấu công trình hiện tại, bao gồm các đặc trưng vật liệu của kết cấu bê tông và bê tông cốt thép, vật liệu địa phương và nền móng, trên cơ sở số liệu quan trắc hoặc khảo sát bổ sung (nếu cần);

d) Cập nhật dòng chảy lũ, thông số động đất và thông số đặc tính hồ chứa (đối với hồ chứa có nhiệm vụ điều tiết);

đ) Đánh giá tình trạng hoạt động của các thiết bị quan trắc đập;

e) Dự báo các thông số và các chỉ tiêu quan trắc để làm cơ sở cho giám sát an toàn và lập Báo cáo an toàn định kỳ hàng năm

g) Kiến nghị các vấn đề cần tiếp tục xem xét liên quan đến an toàn đập.

6. Chủ sở hữu công trình thủy điện có trách nhiệm tổ chức kiểm định, phê duyệt đề cương và kết quả kiểm định theo quy định của pháp luật; Báo cáo kết quả kiểm định gửi gửi cơ quan phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan.”

14. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 43 như sau:

“2. Nội dung kiểm tra, đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy điện bao gồm:

a) Đánh giá tình hình và dự báo khí tượng thủy văn;

b) Kiểm tra, đánh giá an toàn đập: Kiểm tra bằng trực quan và tổng hợp, phân tích số liệu quan trắc đập để đánh giá tình trạng nứt, biến dạng, chuyển vị, ổn định; tình trạng thấm, rò rỉ;

c) Kiểm tra, đánh giá an toàn hệ thống vận hành: tình trạng hoạt động của cửa van, máy đóng mở, thiết bị nâng hạ cửa van, hệ thống giám sát vận hành; tình trạng hệ thống điện vận hành;

d) Đánh giá kết quả thực hiện quy trình vận hành hồ chứa, liên hồ chứa hằng năm;

đ) Đánh giá hiện trạng hồ chứa thủy điện, tình hình sạt lở, tái tạo bờ và các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy điện;

e) Đánh giá kết quả thực hiện các kiến nghị của đơn vị kiểm định đập, hồ chứa thủy điện và yêu cầu của các cấp thẩm quyền;

g) Đánh giá kết quả thực hiện công tác bảo trì, sửa chữa công trình hằng năm.

3. Chế độ báo cáo an toàn đập, hồ chứa thủy điện trước và sau mùa mưa lũ hàng năm

a) Trước mùa mưa lũ hằng năm, Chủ sở hữu công trình thủy điện trực tiếp hoặc giao đơn vị quản lý, vận hành công trình thủy điện thực hiện báo cáo kết quả kiểm tra, đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy điện theo mẫu tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định này gửi cơ quan phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan. Thời gian mùa mưa lũ hằng năm tại các khu vực được xác định theo quy định của pháp luật về phòng chống thiên tai và khí tượng thủy văn;

b) Trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, Chủ sở hữu công trình thủy điện trực tiếp hoặc giao đơn vị quản lý, vận hành công trình thủy điện thực hiện báo cáo hiện trạng an toàn đập, hồ chứa thủy điện theo mẫu tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định này gửi cơ quan thẩm quyền phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan. Thời hạn chốt số liệu báo cáo từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 15 tháng 12 hằng năm;

c) Trước ngày 15 tháng 01 hằng năm, trên cơ sở báo cáo hiện trạng an toàn đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân các tỉnh có trách nhiệm báo cáo hiện trạng an toàn đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn tỉnh theo mẫu tại Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị này gửi Bộ Công Thương;

d) Khi xảy ra tình huống khẩn cấp, sự cố có nguy cơ gây mất an toàn cho công trình đầu mối, Chủ sở hữu công trình thủy điện trực tiếp hoặc giao đơn vị quản lý, vận hành công trình thủy điện báo cáo ngay Ủy ban nhân dân và Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự các cấp trên địa bàn và cơ quan phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa theo quy định.”

15. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 45 như sau:

“2. Tùy thuộc vào vị trí công trình thủy điện và địa hình vùng hạ du đập thủy điện, Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự cấp xã và Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp và thống nhất với chủ sở hữu công trình thủy điện về vị trí lắp đặt hệ thống thông tin, cảnh báo vận hành phát điện, vận hành xả lũ cho đập.”

16. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 47 như sau:

“6. Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về khung tài liệu bồi dưỡng, hình thức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện.”

17. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 5 Điều 51 như sau:

“d) Xây dựng và ban hành quy định bồi thường, hỗ trợ đất, tài sản gắn liền trên đất thuộc phạm vi hành lang bảo vệ công trình điện lực trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.”

18. Bãi bỏ một số điều khoản tại Nghị định số 62/2025/NĐ-CP như sau:

a) Bãi bỏ các Điều sau: 9, 10, 11, 19, 24, 25, 26, 27, 28, 29.

b) Bãi bỏ các điều khoản sau: điểm a khoản 5 Điều 30; điểm b khoản 7 Điều 34; điểm c khoản 3, khoản 4 Điều 41; khoản 3, khoản 5 Điều 47; khoản 6 Điều 51.

c) Bãi bỏ Phụ lục I.

19. Thay thế một số cụm từ tại các điều, khoản tại Nghị định số 62/2025/NĐ-CP như sau:

a) Bổ sung từ “người” vào trước cụm từ “thiết bị” tại khoản 10 Điều 2.

b) Bổ sung cụm từ “(như: hình thức thông báo, bao gồm: Thông báo trực tiếp; qua điện thoại; qua hệ thống tiếp nhận thông tin; thông qua chính quyền địa phương..vv)” vào sau cụm từ “thông báo” tại khoản 1 Điều 3.

c) Thay thế từ “Không” tại khoản 2 Điều 3 bằng cụm từ “Tổ chức, cá nhân không được”.

d) Bổ sung cụm từ “các vật dụng như:” vào sau cụm từ “Không lắp đặt” tại khoản 3 Điều 3 .

đ) Thay thế từ “chất tải” tại khoản 4 Điều 3 bằng từ “xả chất thải”.

e) Thay thế cụm từ “khoản 4 Điều 8” tại khoản 3 Điều 4 bằng cụm từ “khoản 1 Điều 8”.

g) Thay thế cụm từ “Điều 15 Nghị định này” tại khoản 4 Điều 4 bằng cụm từ “quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Kỹ thuật điện - Hệ thống lưới điện”.

h) Thay thế cụm từ “thay đổi” tại khoản 7 Điều 4 bằng cụm từ “giảm”.

i) Thay thế cụm từ “điện lực” tại khoản 8 Điều 4 bằng cụm từ “quản lý vận hành”.

k) Thay thế cụm từ “nước” tại điểm đ khoản 1 Điều 7 bằng cụm từ “xăng”.

l) Bổ sung cụm từ “hoặc khóa néo” vào sau cụm từ “khóa đỡ” tại điểm c khoản 5 Điều 8.

m) Thay thế cụm từ “thị xã” tại điểm c khoản 1 Điều 30 bằng cụm từ “đô thị”.

n) Thay thế cụm từ “khoản 1 Điều 47” tại khoản 5 Điều 52 bằng cụm từ “khoản 1 Điều 49”.

o) Thay thế cụm từ “cấp huyện” bằng cụm từ “cấp xã” tại khoản 3 Điều 22, điểm b khoản 4 Điều 33 và khoản 3 Điều 44.

Điều 2. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với quy trình vận hành hồ chứa thủy điện, phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện, phương án ứng phó tình huống khẩn cấp đã trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được thẩm định, phê duyệt theo Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2026 (sau 45 ngày kết từ ngày ký ban hành)

2. Bãi bỏ một số điều, khoản, điểm, cụm từ tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước:

a) Bãi bỏ các điều khoản sau: khoản 4 Điều 8; điểm b khoản 3 Điều 10; điểm b, d khoản 2 Điều 12; khoản 4 Điều 13; điểm b khoản 4 Điều 16; khoản 2 và điểm b khoản 5 Điều 17; điểm b khoản 4 và khoản 7 Điều 18; khoản 3 Điều 22; ; khoản 5 Điều 29; .

b) Bỏ cụm từ “Bộ Công Thương” tại điểm c khoản 4 Điều 16 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

c) Bỏ cụm từ “thủy điện, hồ chứa thủy điện” tại khoản 5 Điều 8; khoản 3 Điều 11; điểm b khoản 6 Điều 17; d) Bỏ cụm từ “Sở Công Thương báo cáo kết quả tổng hợp thực hiện quy trình vận hành hồ chứa thủy điện trên địa bàn, gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Công Thương” tại khoản 5 Điều 13./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Cục KTVB & XLVPHC;
- Lưu: VT, CN (2b).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Lê Minh Hưng

PHỤ LỤC X
BÁO CÁO HIỆN TRẠNG AN TOÀN ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Ban hành kèm theo Nghị định số/2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH
TÊN ĐƠN VỊ BÁO CÁO

Số: / ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm...

BÁO CÁO
HIỆN TRẠNG AN TOÀN ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
NĂM

Kính gửi: Bộ Công Thương

1. Khái quát về thủy điện trên địa bàn

- a) Tổng số công trình đang vận hành tính đến thời điểm báo cáo: công trình.
- b) Tổng số công trình đưa vào vận hành trong thời kỳ báo cáo: công trình (tính từ thời điểm lập báo cáo năm trước đến thời điểm lập báo cáo này).
- c) Tổng số công trình có đập, hồ chứa thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh: công trình (trừ công trình sử dụng nước của hồ chứa thủy lợi để phát điện).

2. Tình hình vận hành đập, hồ chứa

- a) Tóm tắt tình hình lũ về hồ chứa so với lưu lượng lũ theo các quy trình vận hành hồ chứa.
- b) Tóm tắt công tác vận hành hồ chứa của chủ sở hữu/tổ chức khai thác đập, hồ chứa.
- c) Đánh giá chung về hiện trạng đập, hồ chứa trên địa bàn tỉnh
 - Đối với đập
 - Đối với hồ chứa

3. Tình hình mốc xác định phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa:

- a) Mốc xác định phạm vi bảo vệ đập (số lượng mốc; tình trạng mốc tại thời điểm làm báo cáo; số mốc bị hư hỏng, mất và số mốc được thay thế).

b) Mốc xác định phạm vi bảo vệ hồ chứa (số lượng mốc; tình trạng mốc tại thời điểm làm báo cáo; số mốc bị hư hỏng, mất và số mốc được thay thế).

4. Hiện trạng an toàn đập, hồ chứa

4.1. Kết quả quan trắc đập, hồ chứa

a) Đối với hồ chứa

- Số hồ chứa có hiện tượng sạt lở, tái tạo bờ hồ; tên hồ và tên công trình (nếu có).

- Tình hình xử lý, khắc phục của chủ sở hữu/tổ chức khai thác đập, hồ chứa (nếu có).

b) Đối với đập

- Số đập theo thiết kế có lắp đặt thiết bị quan trắc; số đập được lắp thiết bị quan trắc và số lượng thiết bị được lắp đặt so với thiết kế.

- Tình hình hoạt động của thiết bị quan trắc.

- Công tác quan trắc, xử lý số liệu quan trắc của chủ sở hữu/tổ chức khai thác.

- Đánh giá chung hiện trạng đập (số đập vận hành bình thường; số đập có hiện tượng bất thường và biện pháp kiểm tra, theo dõi, xử lý).

4.2. Kết quả kiểm tra đập, hồ chứa

a) Tình hình thực hiện công tác kiểm tra của chủ sở hữu/tổ chức khai thác và của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Tóm tắt kết quả kiểm tra đập, hồ chứa.

c) Những khiếm khuyết phát hiện sau kiểm tra, biện pháp xử lý đã áp dụng và kết quả xử lý.

5. Các hoạt động thuộc phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa

a) Số công trình có hoạt động thuộc phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa phải có giấy phép:.....công trình.

b) Tổng số hoạt động thuộc phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa phải có giấy phép: hoạt động; ghi rõ từng hoạt động của từng đập, hồ chứa.

c) Số hoạt động phải có giấy phép nhưng chưa có giấy phép theo quy định.

c) Đánh giá chung tình hình các hoạt động đến việc vận hành, quản lý an toàn đập, hồ chứa.

6. Đánh giá và kiến nghị

a) Đánh giá chung hiện trạng an toàn đập, hồ chứa trên địa bàn.

b) Kiến nghị với Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Công Thương (nếu có).